

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66/2022/HN-ST**

Ngày: 31/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/02/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST - HN ngày 25/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST – HN ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị Kim Th**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp AB, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có đơn xin vắng mặt*).

* Bị đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp BL, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim Th trình bày và yêu cầu như sau:**

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau từ năm 2013. Trước khi chung sống vợ chồng không có quen biết nhau trước mà do gia đình mai mối. Khoảng 01 tháng sau thì hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến năm 2019 thì chị và anh T mới thực hiện việc đăng ký kết hôn và đã được UBND MH cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2019.

Từ năm 2013 đến năm 2015 thì anh chị về sống bên gia đình anh T, từ năm 2016 đến năm 2017 thì anh chị về sống cùng gia đình chị. Năm 2018, anh

chị đi Vũng Tàu làm thuê nhưng đến năm 2019 thì có phát sinh mâu thuẫn nên ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị Th xin ly hôn với anh T là do trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên ăn nhậu về nhà là đánh, chửi chị và mẹ chị. Ngoài ra, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh T không liên lạc với chị và cũng không 01 lần đến để thăm con.

Nay, chị xét thấy thời gian ly thân giữa chị và anh T kéo dài nhưng anh chị không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Danh Thị Kim L, sinh ngày 09/3/2014 và cháu Thị Kim H, sinh ngày 13/10/2018. Hiện nay, 02 cháu đang sống cùng chị Th nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Th xác định, trong quá trình chung sống giữa chị và anh T không có tạo lập được tài sản chung và không phát sinh nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh T không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị Th và anh T*: Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim Th và giao 02 con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp BL, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt lần 2 không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh T chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2019 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Th về việc ly hôn với anh T. HĐXX xét thấy, chị Th cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Th.

Đồng thời, việc anh chị ly thân từ năm 2019 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị Th cũng cương quyết ly hôn với anh T.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Th được ly hôn với anh T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Theo lời trình bày của chị Th, chị và anh T có 02 người con là Danh Thị Kim L (*sinh ngày 09/3/2014*) và cháu Thị Kim H (*sinh ngày 13/10/2018*). Hiện nay, 02 cháu đang chung sống cùng chị Th từ khi anh chị ly thân đến nay. Nay, chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị Th là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kim L và thấy rằng từ khi chị và anh T ly thân đến nay thì chị Th là người trực tiếp nuôi cháu Kim H nên việc để cháu Kim H cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Kim H nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con của chị Th.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Th tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, chị Th có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Th xác định, không có phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Th phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Thị Kim Th được ly hôn với anh Danh T.

2. *Về con chung*: Giao 02 cháu Danh Thị Kim L (*sinh ngày 09/3/2014, giới tính nữ*) và cháu Thị Kim H (*sinh ngày 13/10/2018, giới tính nữ*) cho chị Th trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Thị Kim Th chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0001026 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Th không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Th và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã MH;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh